

ẢNH HƯỞNG CỦA NHO GIÁO ĐẾN VIỆC ĐẢM BẢO QUYỀN BÌNH ĐẲNG CỦA PHỤ NỮ Ở VIỆT NAM

ThS. CHU MẠNH HÙNG *

Nho giáo là học thuyết chính trị - xã hội có nguồn gốc ở Trung quốc thời kì cổ đại, hình thành từ thời Phục Hy và có sự đóng góp rất lớn của Chu Công ở thời kì Tây Chu. Đến thời Đông Chu, Khổng Tử là người có kiến thức uyên bác đã đóng vai trò to lớn trong việc hệ thống hoá tư tưởng của Chu Công và truyền bá tư tưởng của Nho giáo. Vì vậy, Khổng Tử được coi là người sáng lập Nho giáo. Trải qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, Nho giáo tồn tại và phát triển không thuần nhất ở Trung Quốc: Nho giáo thời Tây Chu (Chu Công), Nho giáo thời Tiên Tần (Khổng Mạnh), Hán Nho, Đường Nho, Tống Nho...

Nội dung của Nho giáo bao gồm hệ thống các giáo lí nhằm tổ chức một xã hội có quy củ nề nếp, hoạt động có hiệu quả. Nội dung đó được thể hiện trong hai bộ sách kinh điển của Nho giáo là Tứ thư và Ngũ kinh.

Tứ thư gồm bốn cuốn sách: Luận ngữ, Đại học, Trung dung, Mạnh tử. Luận ngữ là tập hợp những lời dạy và những bàn luận của Khổng Tử với các học trò của ông. Đại học do Tăng Sâm (Thường gọi là Tăng Tử), học trò xuất sắc của Khổng Tử đã dựa vào lời thầy để biên soạn dạy phép làm người

quân tử. Trung dung do Khổng Cấp (thường gọi là Tử Tư), cháu nội của Khổng Tử, viết ra nhằm phát triển tư tưởng của ông mình về cách sống dung hoà không thiên lệch. Mạnh Tử do Mạnh Kha thời chiến quốc viết ra nhằm bảo vệ tư tưởng của Khổng Tử.

Ngũ Kinh là bộ sách gồm năm quyển kinh: Kinh thi, Kinh thư, Kinh lễ, Kinh dịch, Kinh Xuân Thu được Khổng Tử hiệu đính và giải thích. Kinh thi là tập thơ ca dân gian thể hiện những tình cảm trong sáng, lành mạnh, khuyên làm điều lành, ngăn điều dữ với cách diễn đạt khúc triết về các quan hệ xã hội, đặc biệt là quan hệ nam nữ. Kinh thư ghi lại những truyền thuyết, biến cố, những nhận xét, đánh giá về các đời vua cổ - kể cả những vua hiền, anh minh như Nghiêu, Thuần và những hôn quân bạo chúa như Kiệt, Trụ nhằm làm gương cho đời sau. Kinh lễ ghi chép lại những lễ nghi, những tục lệ phải theo để duy trì và ổn định trật tự xã hội. Kinh dịch gồm hai phần dịch kinh và dịch truyện. Phần dịch kinh gồm sách bói, ghi chép về âm dương, bát quái, hào tượng, hào số ở dạng kí hiệu. Phần dịch

* Giảng viên Khoa luật quốc tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

truyện gồm những lời chú giải của dịch kinh, gồm 10 thiên. Kinh Xuân Thu ghi chép những sự kiện lịch sử thời Đông Chu từ năm 722 đến năm 482 trước Công nguyên trong đó chủ yếu nói về nước Lỗ và có những lời thoại, lời bình đề giáo dục các vua chúa.

Nho giáo căn cứ vào gia đình để hình dung quốc gia và thế giới với mục đích là “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ” theo nguyên tắc lễ nghĩa chặt chẽ với tôn ti, trật tự rõ ràng. Điểm cốt lõi của đạo lí Nho giáo là xây dựng và thực hiện Ngũ luân, Tam cương, Ngũ thường.

- Ngũ luân là năm đạo cư xử, năm mối quan hệ trong hệ thống đạo đức Nho giáo theo thứ bậc:

Quân thần (vua tôi).

Phụ tử (cha con).

Phu phụ (vợ chồng).

Huynh đệ (anh em).

Bằng hữu (bạn bè).

Trong năm mối quan hệ ấy, ba mối quan hệ đầu đóng vai trò chủ chốt gọi là Tam cương.

- Ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) là năm đức tính tốt có tính chất bền vững không thể thiếu trong cuộc sống thường ngày.

Nho giáo được du nhập vào Việt Nam khá sớm, từ thời kì Bắc thuộc lần thứ nhất, do Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp và những quan lại nhà Hán sang xâm lược nước ta nhưng suốt gần nghìn năm Bắc thuộc và cả thời kì đầu đất nước ta giành được quyền độc lập tự chủ dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, tư tưởng thống trị

trong xã hội là Phật giáo và Đạo giáo. Chế độ phong kiến ngày càng được củng cố và phát triển Nhà nước ngày càng cần có những người đắc lực và tích cực phục vụ triều đình phong kiến. Nho giáo với hệ thống tư tưởng chặt chẽ về xã hội và đạo đức có tác dụng tích cực bảo vệ chế độ phong kiến và tôn ti trật tự của nó. Chính vì vậy đến triều đại nhà Lí, các vua chúa đều dân quan tâm đến Nho giáo, coi Nho giáo là quốc giáo và phát huy những nhân tố tích cực của Nho giáo. Việc truyền bá Nho giáo đã góp phần phát triển văn hoá Việt Nam ở nhiều lĩnh vực, đặc biệt trong việc nâng cao dân trí. Việc học tập được tổ chức rộng rãi không chỉ ở kinh thành mà diễn ra ở khắp mọi nơi. Khoa thi được mở thường xuyên, nho sĩ ngày một đông và họ có mặt ở mọi cấp của bộ máy nhà nước, góp phần củng cố và phát triển chế độ phong kiến Việt Nam.

Nho giáo có ảnh hưởng lớn đến tiến trình phát triển của nhiều quốc gia châu Á trong đó có Việt Nam, nhất là trong bối cảnh chúng ta đang xây dựng xã hội dân chủ, văn minh. Nghiên cứu tác động của Nho giáo đến việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ Việt Nam, chúng ta cần thấy được những điểm tích cực đồng thời hạn chế những điều không phù hợp của Nho giáo trong đời sống xã hội hiện đại.

1. Ảnh hưởng tích cực của Nho giáo đối với việc bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ

Nho giáo coi trọng gia đình, chú trọng

xây dựng gia đình nền nếp, gia giáo, giữ lễ bằng cách tạo ra hoà mục, đem lại cái hài hoà, cái đẹp trong gia đình. Trong Ngũ luân của Nho giáo đã có tới ba mối quan hệ (cha con, vợ chồng, anh em) trực tiếp liên quan đến gia đình. Theo quan niệm của Nho giáo việc xây dựng gia đình nền nếp, hoà thuận phải trên cơ sở bảo đảm “cha ra cha, con ra con, vợ ra vợ, chồng ra chồng, anh ra anh, em ra em”. Nghĩa là phải bảo đảm “cha tử con hiếu, trên kính dưới nhường”... Nho giáo quan niệm gia đình là cốt lõi vì vậy phải chú trọng việc xây dựng gia đình để phát triển quốc gia.

Trong mọi xã hội dù phương Đông hay phương Tây, dù trước đây, ngày nay hoặc tương lai thì gia đình luôn được coi là nền tảng của xã hội và quan niệm về việc xây dựng gia đình cũng như việc duy trì các mối quan hệ trong gia đình là hết sức cần thiết. Bởi vậy quan niệm trên của Nho giáo có tác động và ảnh hưởng rất lớn tới các xã hội châu Á. Các quốc gia châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc là các quốc gia phát triển xét ở phương diện kinh tế nhưng đồng thời đó còn là những quốc gia đặc biệt coi trọng việc bảo tồn văn hoá truyền thống trong đó có mối quan hệ gia đình, chồng vợ, cha con... Đây được coi là thành công của Nhật Bản, Hàn Quốc trong quá trình phát triển đất nước. Ngày nay Việt Nam đang trên đường phát triển để hội nhập cùng khu vực và thế giới vì vậy việc bảo tồn những giá trị truyền thống có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Quan điểm của Việt Nam là hoà nhập nhưng không hoà tan và yếu tố tạo nên cốt cách của dân tộc là các giá trị truyền thống. Đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, chúng ta chú trọng xây dựng gia đình văn hoá, gia đình văn hoá là điểm sáng của cộng đồng dân cư và xã hội mà nội dung cốt lõi là các thành viên của mỗi gia đình đều tích cực trong lao động, học tập; mỗi quan hệ gia đình trong đó có quan hệ giữa nam và nữ luôn bảo đảm sự bình đẳng, hài hoà với các chuẩn mực của gia đình truyền thống cũng như những tiêu chuẩn của xã hội hiện đại.

Gia đình là tế bào và nền tảng của xã hội, nhưng một thực tế nghịch lí đang diễn ra là khi kinh tế phát triển thì các mối quan hệ trong đó có quan hệ gia đình giữa nam và nữ (vợ chồng...) cũng biến chuyển với những dấu hiệu không bền vững. Vì thế trong giai đoạn hiện nay, việc bảo tồn các giá trị truyền thống trong đó phát huy nhân tố tích cực của Nho giáo để xây dựng gia đình trong bối cảnh xã hội mới là hết sức cần thiết. Đó cũng là cơ sở để xây dựng và bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Ngoài ra, Nho giáo đề cao việc trau dồi đạo đức cá nhân, coi “tu thân” là cơ sở cho việc “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, chú trọng giáo dục lòng hiếu thảo và trách nhiệm phụng dưỡng của con cháu đối với cha mẹ, ông bà và thân nhân trong gia đình. Điều này rất quan trọng và cần thiết, đặc

biệt trong đời sống xã hội ngày nay với sự phát triển của kinh tế và đi liền với nó là các tệ nạn xã hội thì việc giáo dục và rèn luyện đạo đức cần được coi trọng.

Bên cạnh đó, Nho giáo nêu ra tứ đức “công, dung, ngôn, hạnh” là tiêu chuẩn đối với người phụ nữ ngày xưa. Theo chúng tôi, đó cũng là những tiêu chuẩn, cái đẹp của phụ nữ Việt Nam ở bất kì thời đại nào. Ngày nay quan niệm đó vẫn cần được vận dụng để bồi dưỡng, ngợi ca phụ nữ trong thời đại mới. Thực tiễn lịch sử đấu tranh và xây dựng đất nước đã khẳng định vai trò to lớn của phụ nữ, họ không chỉ “đảm việc nhà” mà cũng “giỏi việc nước”. Sự tham gia tích cực của phụ nữ vào mọi công việc, lĩnh vực của đời sống xã hội không chỉ phản ánh mức độ bình đẳng về giới ở Việt Nam mà còn thể hiện những giá trị của phụ nữ Việt Nam trong thời đại mới trên nền tảng của những chuẩn mực truyền thống.

Triều đại nhà Lê là thời kì Nho giáo thịnh trị ở Việt Nam, những tư tưởng của Nho giáo có ảnh hưởng lớn đến luật pháp thời kì này. Bộ luật Hồng Đức đã có nhiều điều luật quan tâm đến quyền lợi, cũng như sự bình đẳng của phụ nữ đối với nam giới như: Con gái có quyền thừa kế tài sản của cha mẹ như con trai; vợ chồng đã có con nếu một người chết trước thì số điền sản thuộc về người còn sống; con gái thấy vị hôn phu có ác tật có thể kêu quan mà trả đồ sính lễ; vợ có quyền kiện chồng và bỏ chồng nếu chồng bỏ lửng năm tháng...

Những quy định đó của Bộ luật Hồng Đức về quyền của phụ nữ đặt trong bối cảnh xã hội phong kiến là hết sức tiến bộ, đồng thời cũng đặt nền móng cho việc đảm bảo quyền phụ nữ trong pháp luật Việt Nam.

2. Những hạn chế của Nho giáo ảnh hưởng đến việc đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ

Tư tưởng “nam tôn nữ ti” trọng nam khinh nữ của Nho giáo rất nặng nề và khắc nghiệt. Đây là tư tưởng sai lầm, tiêu cực dẫn tới những thái độ và hành vi phân biệt đối xử bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới diễn ra trong xã hội Việt Nam. Đồng thời, Nho giáo đánh giá thấp vai trò, khả năng và phẩm chất của phụ nữ. Chính Khổng Tử và học trò của ông đã cho rằng: “phụ nhân nan hoá”; “đàn bà và tiểu nhân là hai hạng người khó dạy”; “đàn bà khó giáo dục vì gần họ thì họ nhờn, xa họ thì họ giận”. Tư tưởng này đã xúc phạm phụ nữ và kìm hãm người phụ nữ trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội.

Bên cạnh đó, Nho giáo quy định ngặt nghèo sự phụ thuộc tuyệt đối của phụ nữ vào đàn ông theo đạo tam tòng: “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”. Trong quan hệ vợ chồng thì “phu xướng phụ tùy”, người phụ nữ không có quyền chủ động, chỉ làm việc “tề gia nội trợ”, nâng khăn sửa túi cho chồng, không được tham gia vào việc họ, việc làng, việc nước; khi goá chồng sớm thì không nên tái giá mà phải biết “thù tiết thờ chồng”, thờ chồng đến trọn đời để dành

lấy danh hiệu “tiết hạnh khả phong”. Đây là thành kiến trái với nhu cầu tự do và quyền của người phụ nữ, trái với tinh thần của Công ước về xoá bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) cũng như chính sách và pháp luật của Việt Nam về bình đẳng giới.

Phụ nữ bị ngăn cách không được gần gũi tự nhiên với nam giới bởi vì “nam nữ thụ thụ bất thân”; phụ nữ không được học hành, thi cử, không được làm quan; phụ nữ làm nghề hát xướng bị coi là “xướng ca vô loài” không được lấy quan. Trong xã hội mới quan niệm này đã bị đẩy lùi nhưng nó vẫn ảnh hưởng và để lại dấu ấn trong việc đánh giá vị trí, vai trò của phụ nữ trong hoạt động xã hội.

Ngoài ra, trong hôn nhân, phụ nữ không được tự do yêu đương mà bị ép duyên theo kiểu gả bán, do cha mẹ quyết định “đặt đầu ngồi đây”. Với chế độ đa thê, phụ nữ phải “lấy chồng chung” vợ lẽ, không có quyền bình đẳng với chồng và với vợ cả. Việc vi phạm các điều trong cái gọi là “thất xuất” sẽ bị chồng đuổi về nhà. Những quan niệm trên đã chi phối đời sống xã hội nói chung và quan hệ nam nữ nói riêng trong một thời kì dài của lịch sử Việt Nam, làm cho người phụ nữ bị gắn chặt vào quan điểm của cha mẹ cũng như phụ thuộc vào người chồng. Ngày nay những quan niệm này cơ bản đã được thay đổi bởi xã hội hiện đại và được bảo đảm bằng pháp luật của Nhà nước.

Sau năm 1945, một xã hội mới được

hình thành trên nền tảng độc lập của dân tộc và quyền tự do của cá nhân công dân được đảm bảo trong đó có quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Với thời kì rất dài trong lịch sử Nho giáo thống trị đời sống xã hội, vì vậy những tư tưởng Nho giáo vẫn tiếp tục tác động đối với các tầng lớp nhân dân đến tận ngày nay ảnh hưởng rất lớn đối với việc thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ. Những điều hay của Nho giáo cần vận dụng cho xã hội mới nhưng cũng có rất nhiều điều lạc hậu cần phải kiên quyết loại trừ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã luôn chú trọng việc đảm bảo quyền bình đẳng nam nữ, coi đó là nội dung quan trọng của việc xây dựng xã hội dân chủ, văn minh. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước CEDAW và cương lĩnh hành động Bắc Kinh đồng thời hệ thống chính sách và pháp luật về quyền phụ nữ đã từng bước được xây dựng và thực hiện, cụ thể như: Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2005; chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2010; chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010; Hiến pháp năm 1992 (sửa đổi); Luật hôn nhân và gia đình; Bộ luật hình sự; Bộ luật dân sự; Bộ luật lao động... Đặc biệt là ngày 29/11/2006, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật bình đẳng giới (có hiệu lực ngày 1/7/2007), Luật này được ban hành

nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết hiện nay trong xã hội nhằm tiếp tục thể chế hoá các chủ trương, đường lối của Đảng về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ; khắc phục tình trạng phân biệt đối xử về giới và những khoảng cách giới trong thực tế; khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết cùng cộng đồng quốc tế.

Gần đây nhất, ngày 21/11/2007 Quốc Hội khoá XII tại kì họp thứ 2 đã thông qua Luật phòng chống bạo lực gia đình (có hiệu lực ngày 1/7/2008). Luật này được thông qua xuất phát từ thực tiễn là bạo lực gia đình diễn ra ở nhiều nơi, mọi đối tượng và gây hậu quả nghiêm trọng. Mặc dù đã có định hướng chỉ đạo, song còn thiếu các quy định pháp lí cụ thể về phòng chống bạo lực gia đình. Việc thông qua Luật phòng chống bạo lực gia đình nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về vấn đề gia đình; làm rõ chức năng quản lí nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình; góp phần củng cố và xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc. Phát huy vai trò cá nhân, gia đình và cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình; chú trọng các biện pháp phòng ngừa bạo lực gia đình tại cộng đồng, kịp thời phát hiện sớm và có giải pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình và bảo vệ nạn nhân, tránh để xảy ra bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm trọng; bảo đảm quyền con người, nhất là đối tượng

yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người già, ưu tiên nguyện vọng chính đáng của nạn nhân; đồng thời tôn trọng các quyền của công dân khi xử lí các hành vi vi phạm trong bạo lực gia đình. Phù hợp với hệ thống pháp luật của Việt Nam và đảm bảo thực hiện cam kết quốc tế, nhất là Công ước CEDAW.

Hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền của phụ nữ được xây dựng và từng bước hoàn thiện trên cơ sở thể hiện những đặc điểm văn hoá và xã hội Việt Nam; tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của thời đại đồng thời góp phần loại bỏ những quan niệm lạc hậu của Nho giáo làm cản trở quyền của phụ nữ tiến tới mục tiêu bình đẳng giới trong đó quyền của phụ nữ được đảm bảo và tôn trọng.

Việt Nam là quốc gia phương Đông và mang đậm nét văn hoá Á Đông, xã hội Việt Nam từ chế độ phong kiến tiến lên xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với đặc điểm như vậy nên trong quá trình phát triển bên cạnh những yếu tố thuận lợi chúng ta phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong đó có ảnh hưởng tàn dư của xã hội cũ. Nhà nước ngày càng quan tâm hơn đến việc thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng về bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ trong xã hội hiện đại thành những quy định của pháp luật. Điều đó càng chứng tỏ Đảng và Nhà nước luôn phấn đấu để khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực của Nho giáo đến quyền bình đẳng của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay./.